

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/DS-PT

Ngày: 15-12-2020

V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09 và ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2020/TLPT-DS, ngày 29 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 182/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn T: Ông Lâm Thanh T, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

Địa chỉ: ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh M, theo văn bản uỷ quyền ngày 17/7/2020 (ông M có mặt).

Địa chỉ: đường L, khóm 4, phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1980 (bà N có mặt).

Địa chỉ: đường số 02, khu dân cư Đ, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trọng N2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: đường số 02, khu dân cư Đ, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N2: Ông Huỳnh Trường A, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 19/8/2020 (ông A có mặt).

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14-6-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH T do ông Trần Thanh M đại diện trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của bà Huỳnh Phương L đã góp vốn vào Công ty trách nhiệm hữu hạn T (viết tắt: Công ty), sau đó Công ty chuyển nhượng cho con của bà L là bà Huỳnh Thị Kim N diện tích đất là 529 m² (Lô 1, 2, 3) Khu G. Vào ngày 26/10/2010 bà N được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66, tờ bản đồ số 67, diện tích 529 m² đường số 02 tiếp giáp đường số 05 khu dân cư Đ. Trong quá trình sử dụng đất thì bà Huỳnh Thị Kim N xây dựng tường rào lấn chiếm ranh giới đất của dự án khu dân cư Đ, loại đất phi nông nghiệp phần để làm lộ giao thông số 05 cụ thể: Phía trước mặt tiền nhà của bà N có chiều ngang 1,5 mét, phía sau chiều ngang là 3 mét, chiều dài 23,40 mét.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn T yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Huỳnh Thị Kim N phải tháo dỡ tường rào bàn giao lại ranh giới đất của dự án khu dân cư Đ phía trước mặt tiền nhà của bà N có chiều ngang 1,5 mét, phía sau chiều ngang 03 mét, chiều dài 23,40 mét loại đất phi nông nghiệp.

- Ông Huỳnh Trường A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng N2 trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Huỳnh Phương L là của mẹ ruột của ông A và bà N (bà L đã chết năm 2014), bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà L đã góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Năm 2010 Công ty T chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Kim N diện tích đất là 529 m² (Lô 1, 2, 3) Khu G. Vào ngày 26/10/2010 bà N được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66, tờ bản đồ số 67, diện tích 529 m², đường số 02 tiếp giáp đường số 05 khu dân cư Đ. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà N đã xây dựng nhà và xây hàng rào kiên cố bằng bê tông trên diện tích đất do bà N đã nhận chuyển nhượng của công ty, việc xây dựng hàng rào này là có sự đồng ý của bà Cao Thị V, tại thời điểm năm 2010 thì bà V làm giám đốc

của Công ty trách nhiệm hữu hạn T, vì vậy bà N mới xây dựng hàng rào, việc bà V cho bà N xây hàng rào chỉ nói miệng không có giấy tờ văn bản gì. Nay Công ty cho rằng bà N đã xây hàng rào lấn chiếm đất của con đường số 5 là không đúng, vì đường số 5 đã đủ diện tích không bị thiếu. Do đó bà N không đồng ý dỡ hàng rào trả đất theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm 30/2020/DS-ST, ngày 16-9-2020 quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. **Tuyên xử:** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T. Buộc bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Trọng N2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời bức tường rào bằng bê tông cùng toàn bộ số cây trồng trên phần đất tranh chấp để hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T phần đất lấn chiếm tọa lạc tại thửa 66, tờ bản đồ số 67, có số đo thực tế là 54,3m² tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có tư cận như sau:*

Hướng Đông giáp đường số 5 thuộc phần đất của Công ty T đang sử dụng có số đo 26,61 mét.

Hướng Tây giáp với phần đất của bà N đang sử dụng có số đo 26,87 mét.

Hướng Nam giáp Kênh 03 mét.

Hướng Bắc giáp đường số 2 thuộc phần đất của Công ty T đang sử dụng có số đo 1,5 mét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định định giá và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30-9-2020 bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do: Bà không biết ông Lâm Thanh T là ai nên không đồng ý việc ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà trả lại đất lấn chiếm của công ty; bà không có xây dựng trên phần đất của Công ty THHH T kể từ ngày ông Lâm Thanh T vào làm giám đốc của công ty; Thời điểm bà nhận chuyển nhượng đất của công ty thì do bà Cao Thị V làm giám đốc, sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà đã xây cất nhà và xây hàng rào, khi xây hàng rào bà V đã chỉ rõ ranh, thời điểm xây dựng là vào năm 2010 thì các thành viên của công ty không ai có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với các đương sự: thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2020/DS-ST ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim N làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 2200272798 thì Công ty trách nhiệm hữu hạn T đăng ký lần đầu vào ngày 11-5-2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 31-7-2018, tại mục 4 của giấy chứng nhận nêu thông tin về chủ sở hữu là ông Lâm Thanh T và mục 5 về người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lâm Thanh T, chức danh: chủ tịch kiêm giám đốc.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhận thấy ông Lâm Thanh T là người có quyền đại diện cho công ty để làm đơn khởi kiện. Bà Huỳnh Thị Kim N cho rằng bà không biết ông T là ai, không đồng ý việc ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà trả lại đất lấn chiếm của công ty là không có căn cứ.

- Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim N, về phần đất tranh chấp, nhận thấy:

Tại Quyết định số 1711/QĐHC-CTUBND ngày 16-12-2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự án Khu dân cư Đ thị trấn M, huyện M có chủ đầu tư là Công ty TNHH T. Sau khi được phê duyệt, Công ty đã lập dự án phát triển nhà ở khu dân cư Đ có tổng diện tích đất là 40.139m², trong đó gồm đất xây dựng nhà ở, đất nhà trẻ, đất công viên, đất giao thông và đất giao dịch khác.

Theo dự án thì cơ cấu các loại nhà ở được chia làm 7 khu ký hiệu A, B, C, D, E, F, G, mỗi khu được chia thành nhiều lô; về mạng lưới đường giao thông gồm có 6 đường, lộ giới là 11 mét, trong đó mặt đường 05 mét.

Nhận thấy, vào ngày 20-10-2010 Công ty TNHH T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Kim N diện tích là 529m² thuộc khu G (Lô 1, 2, 3). Vào ngày 26/10/2010 bà Huỳnh Thị Kim N được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 67, diện tích 529m², đường số 02 tiếp giáp đường số 05 khu dân cư Đ.

- Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N được cấp thể hiện vị trí điểm 1, 2 giáp kinh thủy lợi có số đo 23,70 mét; điểm 2, 3 giáp đường số 5 có số đo là 23,40 mét; điểm 3, 4, giáp gốc đường số 2 và đường số 5 có số đo là 6,30 mét; điểm 4, 5 giáp đường số 2 có số đo là 12,90 mét; điểm 5, 1 giáp thửa số 67 có số đo là 25,85 mét.

- Theo biên bản đo đạc thẩm định tại chỗ lập ngày 08-10-2020 thì phần đất bà N hiện đang sử dụng có số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đường số 5 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 26,87 mét.

+ Hướng Tây giáp với phần đất của ông Phạm Văn Đ có số đo 26,87 mét.

+ Hướng Nam giáp Kênh có số đo 23,88 mét + 3 mét.

+ Hướng Bắc giáp đường số 2 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 17,91 mét + 0,28 mét + 1,5 mét.

Tổng diện tích là $559,5\text{m}^2 + 54,3\text{m}^2 = 613,8\text{m}^2$.

So sánh các cạnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N được cấp với các cạnh của thửa đất do bà N hiện đang sử dụng thấy rằng cạnh hướng Đông giáp đường số 5 nhiều hơn 3,47 mét; cạnh hướng Tây giáp với phần đất của ông Phạm Văn Đ có số đo nhiều hơn 1,02 mét; cạnh hướng Nam giáp Kênh có số đo nhiều hơn 3,18 mét; cạnh hướng Bắc giáp đường số 2 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 5,29 mét.

Đồng thời, đường số 5 mặt đường hiện tại có chiều ngang phía sau (hướng Nam) giáp kinh có số đo 7,1 mét; chiều ngang phía trước (hướng Bắc) giáp đường số 5 có số đo 7,25 mét, như vậy mặt đường số 5 thiếu so với dự án.

Như vậy phần đất bà N hiện đang sử dụng có các cạnh nhiều hơn phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ngược lại đường số 5 của công ty có số đo chiều ngang ít hơn dự án được thiết lập. Nên nguyên đơn là Công ty THHH T yêu cầu buộc bà N trả cho công ty phần đất có cạnh hướng Đông giáp đường số 5 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 26,61m; Hướng Tây giáp với phần đất của bà N đang sử dụng có số đo 26,87m; hướng Nam giáp Kênh

thủy lợi 03 mét; hướng Bắc giáp góc đường số 2 và đường số 5 có số đo 1,5 mét là có căn cứ.

Bà N cho rằng thực tế bà sử dụng phần đất có diện tích nhiều hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là do trước đây vào năm 2010 do bà Cao Thị V là giám đốc của công ty TNHH T chỉ ranh đất cho bà nên bà mới xây hàng rào bao quanh như hiện trạng hiện nay. Nhưng theo lời trình bày của bà Cao Thị V tại biên bản lấy lời khai ngày 18-8-2020 có nội dung như sau: *“vào thời điểm năm 2010 tôi làm giám đốc công ty T, công ty có chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Kim N phần đất 529m², tôi không có chỉ ranh cho bà N xây hàng rào, khi bà N xây hàng rào tôi biết nhưng khi đó công ty không đo đạc lại, sau này mới phát hiện bà N đã lấn chiếm đất của công ty”* (bút lục số 111).

Căn cứ vào lời khai của bà Cao Thị V như đã nêu trên, nhận thấy vào thời điểm năm 2010 không có việc bà Cao Thị V là người đại diện hợp pháp của Công ty cho đất để bà N xây hàng rào trên phần đất thuộc mặt đường số 5 trong dự án phát triển nhà ở khu dân cư Đ do công ty TNHH T là chủ đầu tư, nên việc bà N cho rằng việc bà xây dựng hàng rào trên diện tích đất nhiều hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là do trước đây vào năm 2010 bà Cao Thị V chỉ ranh cho bà xây dựng là không có cơ sở.

Với những phân tích nêu trên, nhận thấy Bản án sơ thẩm buộc bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Trọng N2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời bức tường rào bằng bê tông cùng toàn bộ số cây trồng trên phần đất để hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T phần đất lấn chiếm có diện tích 54,3m² là có căn cứ, đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim N là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định phần đất lấn chiếm tọa lạc tại thửa 66, tờ bản đồ số 676 có số đo thực tế là 54,3m² là chưa chính xác, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại phần này, cụ thể: buộc bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Trọng N2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời bức tường rào bằng bê tông cùng toàn bộ số cây trồng trên phần đất để hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T phần đất lấn chiếm có diện tích 54,3m² thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư Đ, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, (có sơ đồ kèm theo).

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu án dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 30/2020/DS-ST, ngày 16-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

- Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

- Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Trọng N2 phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời bức tường rào bằng bê tông cùng toàn bộ số cây trồng trên phần đất tranh chấp để hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T phần đất lấn chiếm có diện tích là 54,3m² thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư Đ, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có các cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đường số 5 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 26,61 mét.

- Hướng Tây giáp với phần đất của bà N đang sử dụng có số đo 26,87 mét.

- Hướng Nam giáp Kênh có số đo 03 mét.

- Hướng Bắc giáp đường số 2 thuộc phần đất của Công ty TNHH T đang sử dụng có số đo 1,5 mét.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008997, ngày 02/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định giá số tiền 2.821.172 đồng (hai triệu tám trăm hai

mười một nghìn một trăm bảy mươi hai đồng), do Công ty TNHH T đã nộp tạm ứng trước, vì vậy bà Huỳnh Thị Kim N có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 2.821.172 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005592 ngày 30-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Tố Hương